

Số: 14/2021/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 134/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ **Nguyên đơn: 1, Chị Phạm Thị T** – sinh năm 1982

2, Anh Phạm Văn Đ – sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm Đ, xã S, TP.T, tỉnh Thái Nguyên

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lưu Thúy H

Địa chỉ: Tổ 6, phường P, TP.T, tỉnh Thái Nguyên

+ **Bị đơn: Bà Vũ Thị B** – sinh năm 1940

Địa chỉ: Tổ 7, phường TL, TP.T, tỉnh Thái Nguyên

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

Chị Trần Thị Kim D – sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 4, phường QT, TP.T, tỉnh Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Đ được quyền sử dụng 233,5m² đất tại thửa 75, tờ bản đồ số 3 phường TL, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Theo sơ đồ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo, diện tích đất của gia đình chị T, anh Đ được nối từ các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 13, 1, trên đất có nhà tạm của gia đình chị T, anh Đ (có bản trích đo kèm theo).

- Bà Vũ Thị B được quyền sử dụng 129,7m² đất tại thửa 75, tờ bản đồ số 3 phường TL, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Theo sơ đồ trích đo hiện

trạng sử dụng đất kèm theo, diện tích đất của gia đình bà B được nối từ các điểm 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 6 (có bản trích đo kèm theo).

Các bên đương sự được quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- **Về chi phí tố tụng:** Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 9.000.000đ (chín triệu đồng), đã thực hiện xong.

- **Về án phí:** Các bên đương sự thống nhất: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn Đ chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước, trong đó, mỗi người chịu 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002085 và Biên lai số 0002086 ngày 12/8/2019. Chị T và anh Đạt mỗi người phải nộp tiếp 50.000đ (năm mươi nghìn đồng). Bà B chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 389.000đ (ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An